TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04/9/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tấn Thương

Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Ngãi

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thương Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXX – ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2018, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Võ Ngọc S, sinh năm 1980. Có mặt

2- Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984. Vắng mặt

Cúng trú tại: Thôn P, xã A, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2018, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Võ Ngọc S trình bày:

1- Về hôn nhân:

Anh và chị Lê Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện F, tỉnh Quảng Ngãi ngày 24/7/2003. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc làm ăn bị thua lỗ cuộc sống khó khăn hơn. Từ đó, chị T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi chơi với bạn bè ở ngoài đường qua đêm từ năm 2017 đến nay. Anh S đã nhiều lần khuyên bảo chị T, nhưng chị T không nghe vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi.

Nay anh S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn tình thương với nhau nữa. Vì vậy, anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị T.

Tại văn bản ghi ý kiến của chị T (Bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 26/4/2018 và ngày 16/5/2018, chị T thừa nhận về tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên chị cũng đồng ý ly hôn.

2- Về con chung:

Anh S khai vợ chồng có 02 con chung: Võ Thị Kim G, sinh ngày 14/12/2004; Võ Thị Trúc L, sinh ngày 27/7/2012. Hiện nay các con đang ở với anh S, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con Võ Thị Trúc L 2.000.000đ/ tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh S thay đổi yêu cầu, không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con Võ Thị Trúc L.

Chị T công nhận vợ chồng có hai con chung như anh S khai và yêu cầu được nuôi con Võ Thị Trúc L, sinh ngày 27/7/2012, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3- Về tài sản:

Anh S khai vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T khai tài sản chung của vợ chồng có căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 1228 tờ bản đồ số 01 diện tích 162m^2 tại thôn P, xã A, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi; chị T yêu cầu giao căn nhà gắn liền thửa đất cho anh S nhận và thối tiền lại cho chị.

4- Về nợ: Anh S, chị T đều khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 234. Bị đơn bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà T đều đồng ý ly hôn, nên cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn.

Về con chung: Theo nguyện vọng, cháu Võ Thị Kim G có nguyện vọng được ở với ông S nên cần ghi nhận ý kiến của cháu G. Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các cháu nên để ông S nhận nuôi các cháu Võ Thị Kim G và cháu Võ Thị Trúc L, ông S không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T yêu cầu ông S nhận căn nhà, có trách nhiệm thối lại cho bà 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Về yêu cầu của bà, nhận thấy ngày 25/5/2018 Tòa án đã có thông báo số 40/TB-TA và ngày 20/6/2018 có thông

báo số 45/TB-TA về việc yêu cầu bà làm các thủ tục để thụ lý yêu cầu chia tài sản chung, nhưng hết thời hạn bà T không thực hiện các thủ tục để Tòa án tiến hành thụ lý, nên không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà.

Từ những phân tích nêu trên, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 262 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc S.

- Về con chung: Giao hai cháu Võ Thị Kim G, sinh ngày 14/12/2004 và cháu Võ Thị Trúc L, sinh ngày 27/7/2012 cho ông Võ Ngọc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Lê Thị T chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã thực hiện đúng thời hạn giải quyết vụ án; tiến hành thu thập, công khai chứng cứ đảm bảo đúng quy định. Các đương sự tham gia tố tụng không khiếu nại gì về việc thụ lý giải quyết cũng như quá trình thu thập, công khai chứng cứ. Do đó, trình tự thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án là đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, chị Lê Thị T vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Ngọc S và chị Lê Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện F, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24/7/2003 đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và từ năm 2017 đến nay không quan tâm với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị T đã mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh S xin ly hôn, chị T đồng ý. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh S được ly hôn chị T là phù hợp với Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh S và chị T đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy, chị T thường xuyên không ở nhà, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Theo xác minh tại địa phương, trong thời gian trước đây và hiện nay cả 2 con hiện đều do anh S nuôi dưỡng và đảm bảo về mọi mặt (BL 36). Cháu Võ Thị Kim G, sinh ngày 14/12/2004 có nguyện vọng xin được ở với cha. Căn cứ Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của anh S là được tiếp tục trông nom, chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng cả 2 con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với chị Lê Thị T.

[2.4] Về tài sản:

Việc chị T yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, chị T đã nhận được thông báo số 40/TB-TA ngày 25/5/2018 về việc yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ và làm thủ tục đơn khởi kiện về chia tài sản chung khi ly hôn và thông báo số 45/TB-TA ngày 20/6/2018 về việc nộp tiền tạm ứng án phí. Xét thấy, đã quá thời hạn quy định tại các thông báo nêu trên, mà chị T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện D đã ra thông báo số 52/TB-TA ngày 02/7/2018 về việc không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn trong vụ án này. Khi đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án khác.

[3] Về nợ: Anh S và chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội anh S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện D phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Ngọc S

Anh Võ Ngọc S được ly hôn chị Lệ Thị T.

2- Về con chung:

Anh Võ Ngọc S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Võ Thị Kim G, sinh ngày 14/12/2004 và con Võ Thị Trúc L, sinh ngày 27/7/2012. Chị Lê Thị T chưa đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về án phí:

Anh Võ Ngọc S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0000520 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện D.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với chị T được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKS huyện D;
- Chi cục THA DS huyện D;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thi Thơ